

Bản án số: 47/2025/HNGĐ- ST

Ngày 18/07/2025.

NHÂN DANH

V/v xin ly hôn, nuôi con **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Ngọc Cẩm

2. Bà Trần Ngọc Diệp

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Khu
Vực 5 – An Giang.

Ngày 18 tháng 07 năm 2025. Tại trụ sở Tòa án Nhân dân Khu Vực 5 – An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 411/2025/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 06 năm 2025 về vụ kiện: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 07 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị Thùy D**, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: ấp N L, xã N T, huyện G R, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp N L, xã N C, tỉnh An Giang).

- Bị Đơn: Anh **Nguyễn Vũ D**, sinh năm 1986 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp N L, xã N T, huyện G R, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp N L, xã N C, tỉnh An Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Trịnh Thị Thùy D trình bày: tôi và anh Nguyễn Vũ D chung sống với nhau vào năm 2011, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H Đ, huyện K L, tỉnh An Giang vào ngày 08 tháng 08 năm 2011. Trước khi chung sống, tôi và anh D có quen biết thông qua mai mối và có tìm hiểu nhau mới đi đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện không cưỡng ép.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến năm 2022 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D có quan hệ với nhiều người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến ngoại tình, tôi có khuyên bảo anh D nhiều lần để anh D chấm dứt mối quan hệ sai trái với những người phụ nữ đó nhưng anh D không nghe, vẫn chứng nào tật ấy, vợ chồng thường xuyên cự cãi lớn tiếng với nhau. Từ đó vợ chồng bắt đầu quan điểm với nhau trong cuộc sống hôn nhân, tình cảm vợ chồng đã không còn. Do đó vợ chồng không thể hoà giải với nhau và gia đình không hạnh phúc.

Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng đã đổ vỡ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 29/03/2019. Hiện nay cháu đang chung sống với tôi.

- Về tài sản chung: không có.
- Về nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận.

Tại phiên tòa chị D yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Vũ D.

Về quan hệ con chung: tôi yêu cầu được nhận nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 29/03/2019, tôi yêu cầu anh D cấp dưỡng cho cháu H 2.000.000đ/1 tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

*** Bị đơn anh Nguyễn Vũ D trình bày:** Qua lời trình bày của vợ tôi về năm vợ chồng chung sống, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn, vợ chồng có 01 con chung và nguyên nhân mâu thuẫn là đúng. Hiện nay tôi vẫn còn thương yêu vợ con và tôi đã chấm dứt các mối quan hệ với những người phụ nữ đó. Nay vợ tôi yêu cầu xin ly hôn thì tôi không đồng ý ly hôn, bởi vì tôi rất thương yêu vợ con tôi.

- Về tài sản chung của vợ chồng: không có.
- Về nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận.

Tại Tòa án anh D yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi không đồng ý ly hôn với cô Trịnh Thị Thùy D.

Về quan hệ con chung: tôi đồng ý giao cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 29/03/2019 cho cô D nuôi dưỡng. Tôi tự nguyện cấp dưỡng cho cháu H 2.000.000đ/1 tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền:** Đây là vụ kiện Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện Ly hôn không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân Khu Vực 5 – An Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** Anh Nguyễn Vũ D với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh D vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trong các trường hợp sau đây: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và

người đại diện của họ vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy anh D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và anh D đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh D là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét lời yêu cầu của chị D về quan hệ hôn nhân, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Vũ D là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”. Xét thấy do tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh D hiện đang rất trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D có quan hệ với nhiều người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến ngoại tình, chị D có khuyên bảo anh D nhiều lần để anh D chấm dứt mối quan hệ sai trái với những người phụ nữ đó nhưng anh D không nghe, vẫn chứng nào tật ấy, vợ chồng thường xuyên cự cãi lớn tiếng với nhau. Từ đó vợ chồng bắt đầu quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy lời yêu cầu của chị D xin được ly hôn với anh D được Tòa án chấp thuận.

[4] **Về quan hệ con chung:** ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Trịnh Thị Thùy D và anh Nguyễn Vũ D. Giao cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 29/03/2019 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H 2.000.000đ/1 tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ khi Bản án này có hiệu lực pháp luật. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[5] Xét lời yêu cầu của bị đơn anh Nguyễn Vũ D về quan hệ hôn nhân: anh D không đồng ý ly hôn với chị Trịnh Thị Thùy D là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”. Xét thấy do tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh D hiện đang rất trầm trọng, nguyên nhân là do anh D có quan hệ với nhiều người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến ngoại tình, chị D có khuyên bảo anh D nhiều lần để anh D chấm dứt mối quan hệ sai trái với những người phụ nữ đó nhưng anh D không nghe, vẫn chứng nào tật ấy, vợ chồng thường xuyên cự cãi lớn tiếng với nhau. Từ đó vợ chồng bắt đầu quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và việc hòa giải giữa chị D và anh D tại Tòa án không thành.

Chính vì vậy bác lời khai nại của anh Nguyễn Vũ D.

[6] **Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:** Do chị D và anh D không có tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] **Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** chị D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 37 ngày 26/05/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G R, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu Vực 5 – An Giang). Chị D đã nộp đủ.

[8] **Về án phí cấp dưỡng:** Anh D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Thùy D và anh Nguyễn Vũ D được ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Trịnh Thị Thùy D và anh Nguyễn Vũ D. Giao cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 29/03/2019 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H 2.000.000đ/1 tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ khi Bản án này có hiệu lực pháp luật. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Trịnh Thị Thùy D nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 37 ngày 26/05/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G R, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu Vực 5 – An Giang). Chị D đã nộp đủ.

4. Về án phí cấp dưỡng: Buộc anh Nguyễn Vũ D nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Trịnh Thị Thùy D biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho anh Nguyễn Vũ D biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang
- VKSND Khu Vực 5-An Giang.
- Phòng THADS Khu Vực 5-An Giang
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quang Nhật